

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2022
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Công Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Đàm Chí Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1973; địa chỉ: Khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *(đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10 tháng 6 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu 5, phường

H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có tính ghen tuông, hay nghi ngờ chị không chung thủy. Ngoài ra anh V còn gia trưởng, độc đoán thường chửi mắng, xúc phạm chị. Hiện tại chị và anh V đã sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay chị không còn tình cảm với anh V nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn V có hai con chung là Nguyễn Văn N1, sinh ngày 20/12/1993 và Nguyễn Hà V1, sinh ngày 22/4/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Hà V1 đến khi thành niên và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nguyễn Văn N1 đã thành niên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10 tháng 6 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh uống rượu không làm chủ được bản thân nên hai vợ chồng có xảy ra lời qua tiếng lại to tiếng với nhau, do vợ chồng xảy ra cãi vã nên tình cảm bị rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh và chị N đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2022 đến nay, mỗi người sống một nơi. Quan điểm của anh vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không muốn ly hôn với chị Lê Thị N.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn V trình bày, anh và chị N có hai con chung là Nguyễn Văn N1, sinh ngày 20/12/1993 và Nguyễn Hà V1, sinh ngày 22/4/2010. Trong trường hợp Tòa án ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hà V1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nguyễn Văn N1 đã thành niên nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh V trình bày, vợ chồng anh tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N và anh V đều vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị N và anh V cư trú thấy: Chị N và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị N và anh V chung sống tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị N và anh V hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau và chị N có làm đơn ly hôn đến Tòa án. Vợ chồng do không có sự tin tưởng nhau nên hay xảy ra lời qua tiếng lại, to tiếng, vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện tại chị N và anh V đã sống ly thân nhau, vợ chồng mỗi người sống một nơi.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hà V1, sinh ngày 22/4/2010 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V có địa chỉ tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 10 tháng 6 năm 2010. Do vậy hôn nhân của chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống chị N và anh V phát sinh mâu thuẫn, xảy ra xô xát, cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau nên hay xảy ra lời qua tiếng lại, to tiếng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện tại chị N và anh V đã sống ly thân nhau, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của chị N và anh V đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.

- Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn V có hai con chung là Nguyễn Văn N1, sinh ngày 20/12/1993 và Nguyễn Hà V1, sinh ngày 22/4/2010. Con chung Nguyễn Văn N1 đã thành niên nên các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Hà V1, hiện tại cháu V1 đang sống cùng chị N. Cả chị N và anh V đều có quan điểm nếu vợ chồng ly hôn thì sẽ giao cháu V1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị N và anh V đều có nguyện vọng giao cháu Hà V1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Hơn nữa cháu Hà V1 cũng có nguyện vọng được ở với chị N. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao con chung Nguyễn Hà V1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; **điểm a, b khoản 1 Điều 238**; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hà V1, sinh ngày 22/4/2010 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0010630 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh

Đàm Chí Thân

Vũ Công Mười

